

CÔNG TY CỔ PHẦN CANH TÁC VÀ CHẾ BIẾN DƯỢC PHẨM HIỆP THÀNH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CANH TÁC VÀ CHẾ BIẾN DƯỢC PHẨM HIỆP THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIEP THANH PHARMACEUTICAL FARMING AND PROCESSING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HIEP THANH CCDP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110377249

3. Ngày thành lập: 05/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6, Ngõ 90 đường Ý Lan, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0367681165

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới hàng hóa<br>(Loại trừ Đấu giá và loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Bán buôn trang thiết bị y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                  | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại nhà nước cấm)<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp:<br>+ Kinh doanh phân bón<br>+ Kinh doanh chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn<br>+ Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện) | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Trồng cây hàng năm khác<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm                                                                                            | 0119        |
| 7.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm                                                             | 0128        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                             | 0161        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                      | 8299        |
| 10. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy nghề canh tác và chế biến dược liệu<br>(Loại trừ: Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) | 8559        |
| 11. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                              | 7213        |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                       | 4719        |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4722        |
| 14. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                 | 1079        |
| 15. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ<br>Chi tiết: Sản xuất phân bón                                                                                                       | 2012        |
| 16. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm                                                                     | 2023        |
| 17. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Chế biến dược liệu                                                    | 2100(Chính) |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)                                             | 2599        |
| 19. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                     | 2825        |
| 20. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                            | 2829        |
| 21. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá)                                                                                  | 4791        |
| 22. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế (Trừ sản xuất răng giả)                            | 3250        |
| 23. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                               | 3312        |
| 24. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                    | 4293        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thuốc<br>- Bán lẻ trang thiết bị y tế<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh) | 4772 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NHƯ QUỲNH | Thôn Phương Nhị, Xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000     | 300.000.000           | 15,000    | C6448418                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 85.000     | 850.000.000           | 42,500    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                            | Tổng số                   | 155.000    | 1.550.000.000         | 77,500    |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                                   |                                    |        |             |        |                  |
|---|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | NGUYỄN<br>PHẠM HÀM | Số 6, Ngõ 90<br>đường Ý Lan, Xã<br>Phú Thị, Huyện<br>Gia Lâm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000  | 50.000.000  | 2,500  | 163195557        |
|   |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 35.000 | 350.000.000 | 17,500 |                  |
|   |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                   | Tổng số                            | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                    |                                                                                                   |                                    |        |             |        |                  |
| 3 | ĐẶNG TOÀN<br>THẮNG | Số 214 Ngõ Văn<br>Chương, Phường<br>Khâm Thiên,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000  | 10.000.000  | 0,500  | 0012010192<br>56 |
|   |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 4.000  | 40.000.000  | 2,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                                   | Tổng số                            | 5.000  | 50.000.000  | 2,500  |                  |
|   |                    |                                                                                                   |                                    |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN PHẠM HÀM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/11/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *163195557*

Ngày cấp: *04/03/2010*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nam Định*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đồng Lạc, Xã Hợp Hưng, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 6, Ngõ 90 đường Ý Lan, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội